

VAI TRÒ CỦA GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI SINH HOẠT TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Tóm tắt: Gia đình là đơn vị xã hội nhỏ, nhưng lại là một thiết chế gắn bó chặt chẽ với từng cá nhân và có quan hệ chi phối đến từng cá nhân. Nhìn nhận mối quan hệ gia đình và tín ngưỡng tôn giáo là cách tiếp cận mới cần được làm rõ để phát huy những yếu tố tích cực của chức năng gia đình trong việc hình thành tư duy, nhận thức của các cá nhân thành viên của gia đình với vấn đề tín ngưỡng tôn giáo và ngược lại làm rõ được vai trò của tín ngưỡng tôn giáo với sự hình thành lối sống, nhân cách và đạo đức của con người Việt Nam, góp phần phát triển bền vững các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và thực hiện tốt vai trò của gia đình với xã hội. Ở bài viết này chúng tôi chỉ đặc biệt nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa gia đình & tín ngưỡng tôn giáo trên một số phương diện sau: (1) Gia đình với tư cách là một đơn vị xã hội trực tiếp thực hành các sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo; (2) Gia đình với chức năng giáo dục, nuôi dưỡng, bảo vệ và hình thành nhân cách cho con người đã gián tiếp lưu giữ, bảo lưu các hình thức sinh hoạt tôn giáo; (3) Gia đình với thiết chế đặc trưng riêng biệt đã tham gia vào quá trình điều chỉnh, định hướng tư duy tôn giáo, phát triển các giá trị tôn giáo cho các thành viên của mình.

Từ khóa: Vai trò, gia đình, tín ngưỡng, tôn giáo, Việt Nam.

1. Một số khái niệm

Tôn giáo là một thiết chế xã hội, nó tồn tại trong mọi xã hội như một thực thể có quyền lực riêng biệt và có khả năng chi phối đến từng

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học *Hoạt động tín ngưỡng - tôn giáo trong gia đình Việt Nam hiện nay* do Nguyễn Quốc Tuấn (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) làm chủ nhiệm.

Ngày nhận bài: 09/3/2018; Ngày biên tập: 16/3/2018; Ngày duyệt đăng: 23/3/2018.

cá nhân, gia đình và xã hội. Trong lịch sử Việt Nam, tôn giáo cũng từng có những vai trò khá lớn trong việc thiết lập nên các thiết chế chính trị như thời Lý - Trần và có ảnh hưởng không nhỏ trong việc hình thành hệ tư tưởng Việt Nam trong nhiều giai đoạn.

Ở phương diện khác, cá nhân con người tồn tại như một thực thể gồm hai mặt: thể chất/vật chất và tâm hồn/tinh thần. Mặt vật chất/thể chất đòi hỏi được thỏa mãn để tồn tại, mặt tinh thần/tâm hồn đòi hỏi được giải tỏa để yên ổn, yên tâm và thăng hoa. Trong quá trình sống và hoạt động để nhằm thỏa mãn đời sống vật chất con người gặp nhiều hiện tượng không giải quyết nổi, không lý giải nổi khi đó tôn giáo xuất hiện với chức năng cân bằng hai phương diện đó của cuộc sống con người.

Gia đình là nguồn cung cấp nhân lực cho xã hội, là môi trường đào tạo nhân cách đầu tiên cho con người và cũng là cái nôi chở che, an ủi và bảo vệ các cá nhân trong suốt cuộc đời. Để thực hiện được những chức năng này các gia đình phải xác lập/tạo lập khá nhiều mối quan hệ với thế giới bên ngoài và tiến hành rất nhiều hoạt động: làm kinh tế, sinh sản, nuôi dạy và tổ chức các hoạt động văn hóa, xã hội khác,.... Sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo (TNTG) cũng là một trong những hoạt động mà gia đình thường xuyên và liên tục phải tiến hành để chăm lo cho đời sống tinh thần, đời sống tâm linh của mỗi thành viên. Trong bối cảnh sống của các gia đình Việt Nam các sinh hoạt TNTG không chỉ là một trong những hoạt động nổi trội trong đời sống tâm linh con người mà còn là điểm tựa cho tinh thần con người mỗi khi lâm vào khủng hoảng. Từ những đặc điểm này mà sinh hoạt TNTG chiếm một mật độ khá nhiều trong những hoạt động mang tính tâm linh, tinh thần của gia đình Việt Nam. Đây cũng là điều đặc biệt cần làm sáng tỏ.

Trong những năm gần đây, kinh tế thị trường và những tác động tiêu cực của nền KTTT đã kéo theo hàng loạt những đổi thay trên nhiều phương diện kinh tế, văn hóa, xã hội trong đó có vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng. Biến đổi TNTG cũng đang là vấn đề nóng ở Việt Nam: sự bùng phát nhiều vấn đề tôn giáo; sự trở lại của nhiều hoạt động tâm linh tôn giáo với tính chất và vụ việc khá phức tạp; việc các tôn giáo lợi dụng chức năng của truyền đạo để lôi kéo các cá nhân vào những vụ

việc phi tôn giáo tín ngưỡng chưa lành mạnh cũng đã xảy ra đây đó... Trước tình hình đó vai trò của gia đình đối với mỗi thành viên đang trở nên hết sức quan trọng, gia đình được nhìn nhận như là một môi trường có vai trò định hướng, nâng đỡ, che chắn cho các thành viên của mình trước những tác động của xã hội và sự biến đổi TNTG.

Gia đình là khái niệm lên quan đến cấu trúc của một đơn vị xã hội hình thành trên cơ sở quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống nảy sinh từ quan hệ hôn nhân đó và cùng chung sống. Trong một gia đình thông thường có từ 2 thế hệ gồm cha mẹ và con cái (gia đình hạt nhân), cũng có khi có tới 3 hoặc 4 thế hệ gồm: cụ - ông bà - cha mẹ - con cái (gia đình mở rộng). Các thành viên trong gia đình gắn bó với nhau về trách nhiệm và quyền lợi (kinh tế, văn hóa, tình cảm), giữa họ có những điều ràng buộc có tính pháp lý được nhà nước thừa nhận và bảo hộ. Trong gia đình cũng có những quy định rõ ràng về quyền được phép và những cấm đoán trong quan hệ tình dục giữa các thành viên (Lê Thi, 2004).

Khái niệm gia đình cũng khác với hộ gia đình. Hộ gia đình được hiểu là một nhóm người sống chung dưới một mái nhà, có thể có quỹ chi tiêu chung, có thể không. Hộ cũng có thể là những người có quan hệ ruột thịt và có cả những người quen biết, thậm chí có trường hợp hộ chỉ là một người (hộ độc thân); cũng có trường hợp hộ bao gồm những cá nhân độc thân sống ghép với nhau: sinh viên, bộ đội, nhân viên cơ quan (hộ tập thể). Hiện nay ở thành phố cũng như ở nông thôn Việt Nam, đại đa số một gia đình đồng thời là một hộ. Trong khuôn khổ bài viết này, do tính chất cần làm sáng tỏ mối quan hệ giữa gia đình với sinh hoạt TNTG, nên gia đình mà chúng tôi đề cập ở đây là gia đình lớn, trong đó các thành viên có quan hệ huyết thống và có trách nhiệm ràng buộc cũng như có khả năng chi phối lẫn nhau.

Sinh hoạt TNTG là khái niệm chỉ những hoạt động TNTG hoặc liên quan đến tín ngưỡng tôn giáo, xảy ra thường xuyên/có tính lặp lại trong đời sống hàng ngày của các cá nhân, gia đình và liên quan tới các thành viên trong gia đình. Trong mối quan hệ với gia đình, các sinh hoạt tôn giáo tồn tại như một hoạt động thường ngày của gia đình và không có tính sự kiện đặc biệt.

2. Vai trò của gia đình đối với sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo: Những khía cạnh cơ bản

Vai trò của gia đình đối với sinh hoạt TNTG thể hiện ở nhiều khía cạnh. Tuy nhiên, trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến ba khía cạnh sau đây:

1) Gia đình với tư cách là đơn vị thực hành các hoạt động TNTG

Trong bối cảnh của nền văn minh nông nghiệp là gốc, sống lệ thuộc/phụ thuộc vào tự nhiên; xã hội chịu nhiều biến động bởi nạn binh đao, xâm lược, vị trí đất nước lại nằm ở khu vực vành đai của Thái Bình Dương, ngã tư của các luồng khí hậu trong khu vực nên hằng số trong cuộc sống, sinh kế, xã hội, chính trị của người Việt Nam trong truyền thống là *động = bất an, bất yên = không yên ổn*. Môi trường sống quy chiếu tư duy/cách thức ứng xử. Do vậy, thế ứng xử của người Việt Nam là *cầu an, cầu yên* và để được *an lành, yên lành, yên ổn* người Việt Nam, gia đình Việt Nam, thậm chí nhiều thể chế chính trị, nhà nước sẵn sàng làm/thực thi mọi hoạt động/mọi cách thức để đất nước, dân tộc, người dân và cháu con của mình được sống bình yên. Tổ chức các sinh hoạt TNTG ở quy mô quốc gia hay ở quy mô gia đình của các tộc dân/tộc người trong lãnh thổ Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật ấy.

Lịch sử của nhiều ngôi đình, đền nổi tiếng ở Việt Nam: Đền Đồng Cổ; Đền thờ Mỵ Ê phu nhân, đền Trương Hống, Trương Hát,... đều gắn với sự tích vua đi đánh giặc, qua đền cầu đảo được thần báo mộng hay giúp kẻ đánh thắng giặc, khi ca khúc khải hoàn trở về bao giờ cũng cho tổ chức lễ hội, sắc phong cho thần, lệnh sức xuống dân đời đời tế tự. Thần/thánh trong tư duy người Việt hầu hết là các phúc thần để phò trợ quốc gia và phù trợ cho con người. Đó là lý do trong các gia đình Việt Nam khi có dấu hiệu của sự bất an: *gia súc chết hàng loạt, người ốm bệnh không rõ nguyên nhân hoặc chữa bằng thuốc không khỏi*,... là lập tức người chủ gia đình nghĩ ngay đến việc cầu cúng tổ tiên và các thần/thánh để xin phù trì cho nhân khang, vật thịnh. “Có bệnh thì vái tứ phương” là một phương châm ứng xử đã mang tính phổ biến. Ở những thời điểm này, các sinh hoạt TNTG có vị trí đặc biệt.

Với chức năng nuôi dạy, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em trong gia đình, các mô hình gia đình Việt Nam từ trong truyền thống cũng như hiện tại dường như là môi trường thực thi nhiều nhất các sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng. Không kể các lễ thức mang tính chất biết ơn tổ tiên như cúng các ngày tư, rằm, cúng giỗ, tết người Việt cũng như các tộc người thiểu số trên đất Việt Nam từ khi sinh ra tới lúc chết đều chịu và chứng kiến khá nhiều các lễ thức tôn giáo hoặc mang tính tôn giáo, trong đó đặc biệt là các lễ thức theo quy luật vòng đời và bảo vệ cho trẻ nhỏ: lễ cúng mụ (Việt); lễ thổi Tai (Bana, Ê đê), lễ cúng mẹ biooc (Tày, Nùng)... đều nhằm mục đích chào mừng một công dân mới ra đời và để tỏ lòng biết ơn của các bậc cha mẹ và người thân của đứa trẻ tới những vị thần sinh sản¹. Ở nhiều tộc người, đặc biệt là người Dao đến nay vẫn còn bảo lưu các lễ thức thành đinh (lễ công nhận tuổi trưởng thành của thành viên trong cộng đồng). Trong ngày này làng tổ chức đốt đồng lửa to cho cháy thành than hồng, trước sự chứng kiến của các thành viên trong cộng đồng, các chàng trai mới lớn phải thực hiện một nghi thức bắt buộc là đi trên bề mặt lớp than hồng và đi ra. Đây cũng là nghi thức nhằm củng cố lòng dũng cảm, rèn luyện khả năng can trường cho các chàng trai để chuẩn bị cho một sứ mệnh và vai trò mới là người chủ gia đình. Sau nghi thức đạp lửa này các chàng trai được công nhận là thành viên của cộng đồng và gia nhập đội ngũ các công dân lớn tuổi và chấm dứt giai đoạn trẻ con để thành người trưởng thành. Khi lớn lên, thanh niên nam, nữ đến tuổi kết hôn và dựng vợ gả chồng thì một lễ thức bắt buộc ở người Việt cũng như nhiều tộc người thiểu số là đôi trai gái phải có lễ vật để thắp hương khấn vái trước bàn thờ tổ tiên hai bên. Mục đích của việc này là để vong linh gia tiên của hai gia đình về chứng nhận thành viên mới của gia đình và thừa nhận sự kết hợp của đôi trai gái. Ở khía cạnh này, việc thực hành/tham gia các sinh hoạt TNTG không chỉ nhằm mục đích cảm tạ các lực lượng tự nhiên, tưởng nhớ ơn gia tiên, cầu mong phù độ mà các sinh hoạt TNTG tham gia vào cuộc sống đời người như một lễ thức đánh dấu chu trình chuyển đổi sang một giai đoạn mới của đời người từ ấu nhi sang trưởng thành, từ trưởng thành sang giai đoạn sống phải có trách nhiệm với gia đình, dòng họ.

Việc nuôi dưỡng các thành viên trong gia đình không chỉ thuần túy chỉ là việc nuôi dưỡng mà còn bao hàm cả chức năng bảo vệ, che chắn cho các thành viên khỏi những nguy cơ, những đe dọa từ nhiều phía: bệnh tật hay sự làm hại của các thế lực ác. Đây cũng là một biểu hiện khá rõ rệt và mang nét trội vượt trong ứng xử của gia đình Việt Nam với các thế lực siêu nhiên bên ngoài. Ở người Việt trước đây, khi trong nhà có một thành viên bị đau ốm thì ngoài việc tìm thầy chạy thuốc, gần như bao giờ các bậc cha mẹ cũng sửa soạn lễ vật dâng cúng thần Thành hoàng làng với mục đích cầu mong sự chở che giúp đỡ. Tư duy này đã ăn sâu vào trong tâm lý, tâm thức của con người và có sự chi phối đến nhiều thành viên trong gia đình, gia tộc. Bài thơ khấn Thành Hoàng làng đầy tính hài hước của Tú Xương đã phản ánh một nếp sinh hoạt như vậy. Ở các tộc người thiểu số thì các sinh hoạt TNTG với chức năng chữa bệnh rất nhiều và gần như thường xuyên trong cuộc sống: cúng chữa bệnh của thầy pháp Shaman ở người Mông; kẻ nắn phi nhập (cho người bị ma nhập làm ốm yếu - Tày, Nùng); Tri pli di (cúng ma rừng), tri ha tà tờ (cúng chữa bệnh điên) của người Mảng,....

Không chỉ có vậy, mỗi khi trong gia đình có con cái đi học đi thi, làm ăn nơi xa trở về các chủ gia đình người Việt cũng sửa soạn mâm lễ để mang ra đình/nghe khấn thần linh (ma làng) vừa là để cảm tạ sự chở che đã cho “đi tươi về tốt” vừa cầu mong sự độ trì phù giúp. Thậm chí khi trong nhà, trong làng có biến động như dịch bệnh làm trâu, bò, gà lợn chết hàng loạt thì các gia chủ cũng làm mâm lễ vật ra khấn cúng thần linh để cầu mong thần phù hộ cho gia súc nhà mình không bị dịch bệnh. Những thói quen này lâu dần thành tập tục thờ Thành hoàng làng và phát triển thành một thức nghi thức, nghi lễ bắt buộc với cả cộng đồng mà làm thành nếp sinh hoạt mang tính tôn giáo của làng quê người Việt và tục thờ Then hoang (Mường).

Xuất phát từ tư duy trong mỗi thực thể sống đều có sự tồn tại và trú ngụ của hồn và vía, những yếu tố này làm nên tinh - khí - thần của con người, vì vậy khi con người chết đi chỉ là sự tan rã, mất đi về thể xác còn linh hồn vẫn tồn tại ở một thế giới khác và hàng ngày vẫn dõi theo cuộc sống của con cháu để phù trì hay trừng phạt nên trong cuộc sống

hằng ngày, người Việt cũng như các tộc người thiểu số khác ở Việt Nam đều thường xuyên tổ chức các lễ thức nhằm hướng tới các thế lực này và cầu mong phù trợ: cúng mồng một, ngày rằm với thần linh trong gia trạch; cúng giỗ, tết cho linh hồn người thân đã quá cố (từ 3-5 đời). Cũng từ quan niệm vạn vật hữu linh này mà nhiều tộc người ở Việt Nam cũng cho rằng mọi cỏ cây, hiện tượng đều có linh hồn, vì thế trong đời sống sản xuất muốn được mùa màng bội thu thì phải duy trì lễ thức cúng hồn các thế lực liên quan đến sản xuất nông nghiệp: cúng cơm mới (Việt); cúng hồn lúa (Bana) để cầu mùa bội thu; cúng hồn nước, cúng hồn cho các công cụ lao động cũng phổ biến ở các gia đình tộc người Ê đê, Gialai, Tày, Nùng, Thái.

Quan niệm mỗi con người sinh ra đều chịu sự chi phối của các thế lực bên ngoài, thế lực này vô hình nhưng lại có khả năng chi phối đến sinh mệnh con người nên hầu như các bậc làm cha, làm mẹ nào của các gia đình Việt Nam đều phải hiểu biết, thậm chí thông thuộc các lễ thức liên quan đến việc bảo vệ sức khỏe cho các thành viên trong gia đình của mình. Khi ốm đau, bệnh tật, người Thái thường thực hiện các lễ cúng gọi hồn lạc (hiếc khuôn, vắn om); tìm hồn lạc (xọc khuôn, vắn) dỗ hồn lạc (ỏi khuôn, vắn) để mong được mạnh khỏe. Trong nhiều trường hợp, các nghi lễ chữa bệnh trong nhà của người Thái, còn có thêm vai trò của thầy cúng, thầy cúng đóng vai trò như cầu nối để người bệnh có thể giao tiếp với thần linh². Đặc biệt trong việc thực thi các nghi lễ vòng đời của người Thái hàm chứa nhiều giá trị nhân văn, luân lý và giá trị đạo đức thì cũng hoàn toàn được tiến hành trong gia đình. Các lễ thức cưới xin, tang ma từ người Việt tới người Thái, Mường, Mông thì gia đình, gia tộc là đơn vị vừa đóng vai trò tổ chức, vừa trực tiếp thực thi các lễ thức: lễ niệm, nhập quan, cúng cơm cho cha mẹ mới mất đều do chính con, cháu của người chết tiến hành và diễn ra liên tục trong 3 đến 49 ngày kể từ ngày người chết “ra đi”. Nhiều gia đình người Việt ngày nay còn tiến hành các thủ tục đưa linh hồn người chết lên nương nhờ cửa Phật bằng việc đưa rước linh hồn người quá cố lên chùa. Trong nghi thức này ngoài việc trực tiếp tham gia đọc kinh cầu nguyện của cháu con, còn có sự trợ giúp về mặt nghi thức của nhà chùa. Ở người Mường, Mông khi gia đình có tang, để tạ ơn cha mẹ, con cháu đích tôn

giết một con lợn để cúng cha mẹ, sau đó tiến hành lễ chính (thầy mo kể lai lịch người chết sau đó dẫn đường linh hồn người chết về nhà mồ). Người Tây Nguyên trước đây khi gia đình có người quá cố, sau thời hạn khoảng 1- 3 năm khi có đủ điều kiện, những người thân trong gia đình sẽ vào rừng tìm gỗ để dựng nhà mồ cho người đã chết và tiến hành lễ thức Bơ thi (lễ bỏ mả) với mong muốn người thân đã khuất của mình sẽ có căn nhà khang trang. Không chỉ dừng ở đây với ý niệm chết đi là về với tổ tiên, người Mông còn làm lễ đưa dẫn linh hồn người quá cố gạt mọi vướng mắc để trở về nguồn cội qua lời dẫn dắt của thầy mo đồng thời cũng là tộc trưởng của dòng họ.

Lo cho người sống là hiển nhiên, nhưng lo lắng cho người thân đã mất cũng là một lễ thường trong đạo lý sống của các gia đình Việt Nam. Tục đốt vàng mã trong ngày giỗ, tết là sự thể hiện ước muốn trần sao âm vậy, người sống đủ đầy, người đã chết cũng phải no ấm. Phong tục này không chỉ tồn tại trong các gia đình người Việt mà đã trở thành thế ứng xử chung trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Người Bana, Ê đê, Xơ Đăng xưa kia khi người thân mất đi, điều mà các gia đình trân trọng nhất và phải thực hiện cho bằng được mới yên lòng đó là làm sao tích lũy của cải, vật chất để có thể làm được lễ Bơ thi cho người thân. Điều kiện khá giả mỗi gia đình làm một Bơ xát (nhà Mồ), điều kiện không cho phép thì nhiều gia đình hợp lại cùng làm một nhà Bơ Xát Kut (Nhà Mồ lớn 4 mái). Trong ngày lễ này các gia đình đem các công cụ lao động, các vật dụng sinh hoạt chia cho người thân đã mất và để lại ở nhà mồ. Cả bản góp trâu, bò, gà, lợn để tổ chức lễ cúng cho người chết và cùng vui chơi nhảy múa. Sự vui vẻ ở đây thể hiện niềm hân hoan và sự toại nguyện, thanh thản khi người sống đã lo được cho người thân đã mất những điều kiện cần bản nhất. Trong tâm trí mọi người, từ đây người chết đã có nhà đẹp, có công cụ làm ăn, có cơm đồ cơm vàng để sinh sống ở thế giới khác một cách thoải mái.

Trong lễ cúng giỗ cho người thân đã mất của người Việt cũng có những ý nghĩa nhân văn không kém. Làm giỗ không chỉ để tưởng niệm người đã mất mà còn để người đang sống gặp nhau, đoàn tụ, thăm hỏi, sẻ chia. Trong khói hương nghi ngút, cõi dương và cõi âm

giao hòa, cháu con từ xa xôi cũng về làm giỗ để rồi cùng “ôn cố nhi tri tân” gạt bỏ mọi lo toan gấp gáp, toan tính đời thường để hồi tưởng về quá khứ, dành những tình cảm cho người thân và điều chỉnh cuộc sống, lối sống của mình. Lá rụng về cội, ý nghĩa của ngày giỗ ở trong các gia đình Việt là như vậy. Những lễ thức đó đã diễn ra hàng ngàn đời nay, ăn sâu vào nếp nghĩ và lối sống của mỗi thành viên trong gia đình để rồi trở thành phong tục, tập quán, thành nếp sống và tư duy ứng xử cố hữu trong các gia đình Việt mà làm thành một truyền thống tốt đẹp “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”; “uống nước nhớ nguồn”. Về phương diện xã hội thì những thực hành tín lễ này có giá trị giáo dục rất cao. Sự xuất hiện thường xuyên, liên tục các sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng trong gia đình đã ngấm vào đời sống tinh thần, tạo nên tư duy hành xử cho các thành viên trong gia đình về tổ tiên, nguồn cội và điều chỉnh tư duy hướng thiện của mình. “Sống về mồ về mả, không ai sống về cả bát cơm” là những phương châm hành xử với tổ tiên vốn dĩ đã thành tiêu chí đánh giá đạo đức và lối sống, lối ứng xử của mọi gia đình trong làng quê Việt Nam. Các tộc người thiểu số làm nhà mồ, người Việt đồng bằng xây mộ đã trở thành thể ứng xử truyền thống mang ý nghĩa nhân văn.

Là một dân tộc nông nghiệp, chủ nhân của nền văn minh lúa nước và lúa cạn thì các yếu tố như đất, nước, Mặt Trời, lửa và thời gian có vai trò quan trọng bậc nhất trong đời sống tâm tưởng của con người. Những nghi lễ, tín lễ liên quan đến 2 yếu tố này vì thế cũng vô cùng phong phú và biểu hiện trên nhiều phương diện: thờ thần đất/thổ thần, chuyển hóa thành ban thờ thần thổ công trong nhà. Lễ thức cúng ngày 23 tháng Chạp hằng năm; làm lễ cúng quan Hành khiển vào đêm tất niên của người Việt là một trong những ứng xử mang tính thực hành như thế. Tục thờ cúng thần đất cũng khá phổ biến ở trong gia đình của các tộc dân khác. Hằng năm, người La Hủ có làm lễ cúng thần đất để cầu an. Hiện tượng thờ thần nước/Thủy thần/Bua khú cũng phổ biến trong sinh hoạt tâm linh, tôn giáo của người Mường.

2) Gia đình với chức năng giáo dục, nuôi dưỡng, bảo vệ và hình thành nhân cách cho con người đã gián tiếp lưu giữ, bảo lưu các hình thức sinh hoạt tôn giáo

Việc thực hiện chức năng giáo dục, nuôi dưỡng, bảo vệ và hình thành nhân cách cho con người đã biến gia đình không chỉ là đơn vị xã hội thực hành nhiều hoạt động sinh hoạt TNTG mà còn là môi trường để những chủ thể trong gia đình gián tiếp, trực tiếp lưu giữ, bảo lưu các hình thức sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng và lưu truyền nó cho đến mãi về sau. Trong truyền thống văn hóa Việt Nam, việc dạy dỗ, giáo dục các thế hệ từ lâu đã phụ thuộc rất nhiều vào các gia đình, đặc biệt là vai trò của các bà mẹ. Quan niệm “lấy con dùm mẹ”; “con đại cái mang”, “phúc đức tại Mẫu”... là những đức kết mang tính chân lý, nó không chỉ nói lên vai trò của các bà mẹ trong gia đình mà còn phản ánh vai trò giáo dục cực kỳ quan trọng của các gia đình trong việc hình thành nhân cách của con cái. Trong gia đình Việt Nam, vai trò của các bà mẹ lại vô cùng đặc biệt. Ở một vị trí khu biệt, đặc biệt - nuôi con trong bối cảnh đất nước có truyền thống chiến tranh, truyền thống đi thi, đi học, đi phu, đi lính của đàn ông thì hầu như việc nuôi và dạy con cái đều đặt hoàn toàn lên vai các bà mẹ. Người phụ nữ đã không chỉ phải hoàn thành bốn phận làm vợ, làm mẹ, làm con mà còn phải đóng vai nhà đạo đức học, nhà kinh tế học và thậm chí cả nhà giáo dục học. Với vai trò kép này, người mẹ trong mỗi gia đình phải căng ra với rất nhiều bốn phận và trách nhiệm cũng như phải thực thi nhiều hoạt động khác nhau để nuôi dưỡng, đào tạo, phát triển và che chắn cho gia đình bé nhỏ của mình. Vừa tay năm, tay chiêu để làm ruộng, vừa “thắt lưng bó que, xắn váy quai cồng” để “buôn bán ở mom song”, vừa lại phải nhớ nằm mình các lễ nghi, tín thức để thực hiện trong gia đình nhằm làm tròn bốn phận “con dâu mới thực mẹ cha mua về” và đảm đương vai trò giữ lửa, xây tổ ấm của mình cũng như che chắn cho đàn con thơ dại khi chồng vắng nhà. Trong hoàn cảnh ấy người phụ nữ đã che chắn cho các con của mình, gia đình của mình bằng tất cả những điều kiện, thực hành nào có thể, không ngoại trừ cả việc thực hành các hoạt động tâm linh. Cúng Mụ, cúng Thành Hoàng làng, cúng sao giải hạn đầu năm tại gia là những sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng mang tính thường kỳ nhằm mục đích giữ cho gia đình yên ổn.

Trong xã hội Việt Nam truyền thống mặc dù chịu ảnh hưởng của tư tưởng nam tôn, nữ ti, nhưng do hoàn cảnh đặc biệt của đất nước và

nền văn hóa nông nghiệp trọng tĩn, trọng phụ nữ, vai trò của người phụ nữ tỏa ra ở hầu hết các lĩnh vực nên cả lĩnh vực tổ chức các sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng trong gia đình tưởng rằng chỉ do nam giới thực hiện thì cũng đều là do bàn tay người phụ nữ quán xuyến chuẩn bị. Có thể nói hầu hết mọi hoạt động lễ nghi trong gia đình: từ cấy giống lúa nếp nào để có nồi xôi thơm dẻo, lại chọn con gà nào để cúng cho thanh tịnh đầu năm, bày mâm lễ, mâm cỗ thế nào cho đẹp đều một tay các bà mẹ đảm nhiệm. Những việc tưởng chừng như của đàn ông là cúng khấn tổ tiên, thì ở nhiều gia đình, nhiều địa phương cũng do các bà mẹ đảm đang nắm giữ. Ở nhiều tộc người vùng Tây Nguyên trước đây vai trò của bà mẹ trưởng làng, trưởng bản là vô cùng quan trọng. Không chỉ thực hành các lễ thức trong gia đình mà chính các bà mẹ trong vai trò già làng còn trực tiếp chỉ đạo và thực thi các lễ thức chung của cộng đồng: lễ đâm trâu, lễ Groong bơ xát... Người Việt ở Bắc Ninh xưa còn có tục thổi cơm thi để cúng Thần Thành hoàng làng. Người mang niêu cơm để ra đình chấm lấy giải là người đàn ông trong các gia đình, nhưng trên thực tế niêu cơm đó lại do các bà vợ, hoặc các cô con gái đảm đang nấu; cũng như vậy lễ thức chặt đầu gà cúng thần (Hung Yên) do đàn ông đảm nhiệm tại đình, nhưng kỳ thực để nuôi được con gà đúng tiêu chuẩn cúng Thần thì lại do bàn tay người phụ nữ trong gia đình chọn lựa và nuôi dưỡng. Điều này đã phản ánh một thực tế đàn ông làm lễ, nhưng đàn bà lại là người am hiểu về các lễ nghi.

Quá trình thường xuyên, liên tục tiến hành các lễ thức đó đã khiến các bà mẹ trở thành “pho sách sống” về những phong tục, tập quán, sinh hoạt nghi lễ của tôn giáo tín ngưỡng trong gia đình và ngoài xã hội. Có lẽ không ngoa khi nói rằng các bà mẹ mới chính là người lưu giữ nhiều nhất văn hóa cộng đồng và bản sắc dân tộc để rồi lại trao truyền cho con gái. Cứ vậy, các thế hệ nối tiếp nhau, mẹ truyền cho con, con lại truyền cho cháu, đời này, nối đời kia gia đình Việt Nam đã trở thành nơi lưu giữ và bảo lưu các sinh hoạt TNTG của cộng đồng, dân tộc.

3) Với chức năng tổ chức đời sống vật chất và tinh thần cho các thành viên trong gia đình, bằng thiết chế đặc trưng riêng biệt, gia đình

đã tham gia vào quá trình *điều chỉnh, định hướng tư duy tôn giáo, phát triển các giá trị tôn giáo, tín ngưỡng cho các thành viên của mình.*

Ở khía cạnh này, trong mối quan hệ với TNTG, gia đình Việt Nam lại mang những đặc thù riêng biệt của văn hóa phương Đông: vừa nuôi dưỡng, thực hành những nghi lễ tôn giáo tín ngưỡng, vừa là nơi lưu giữ những giá trị của TNTG, đồng thời gia đình còn là *môi trường trao truyền các giá trị TNTG*. Với vai trò là cầu nối giữa con người và xã hội, các gia đình giáo dân còn là cầu nối giữa các thành viên của gia đình với giáo hội. Những thông tin về xã hội, cũng như của giáo hội có tác động đến con người đều thông qua gia đình. Với tính chất như vậy nên nhiều tổ chức tôn giáo đã bắt đầu công cuộc truyền giáo từ việc nhận rõ những hoàn cảnh gia đình để tác động đến từng cá nhân riêng lẻ.

Ở vùng cao, vùng dân tộc ít người thì việc truyền giữ Công giáo lại được bắt đầu từ trẻ nhỏ. Từ những năm 1939 - 1946, Giám mục Vandecler Vạn sau này là các thừa sai Cosnile Vĩnh, Dousoux Hiền... đã dạy trẻ nhỏ, sau đó sáng tạo ra một loại vần chữ Mường, Thái, Mông rồi dạy trẻ đọc và viết, từ đó trẻ hiểu được nghĩa các sách kinh hay phần giáo lý mà chúng được học thuộc lòng, sau đó về nhà chúng giảng lại cho cha mẹ, anh chị hay những người trong gia tộc. Như vậy, trẻ nhỏ đã trở thành sứ giả giảng Phúc âm cho các bậc cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình³.

Sự gắn bó giữa các thành viên trong gia đình chủ yếu thông qua các mối quan hệ vợ - chồng, cha mẹ - con cái, với trách nhiệm thảo kính, phụng dưỡng, nghe lời răn dạy của cha mẹ nên trong các gia đình Công giáo còn có bổn phận giáo dục đức tin cho con cái. Để làm tròn trách nhiệm đó, cố nhiên cha mẹ phải là người có đức tin vững chắc để tạo ảnh hưởng đến đức tin của con cái. Mối quan hệ hôn nhân trong các gia đình Công giáo cũng được thiết lập trên những hiểu biết, cảm thông về văn hóa của nhau, do đó khi không cùng đức tin thì sau khi trở thành vợ chồng tuyệt đại bộ phận các đôi tác khác đạo cũng đều theo về đạo của người còn lại. Việc học kinh bổn, giáo lý và những điều răn trong Kinh Thánh hiện nay vẫn còn phổ biến trong các gia đình Công giáo khi có con rể, con dâu là người ngoại đạo.

Bên cạnh đó, gia đình/gia tộc với tư cách là thiết chế duy trì bảo lưu các giá trị TNTG đã có tác động không nhỏ trong việc buộc các thành viên tuân thủ theo hay không theo một sinh hoạt TNTG nhất định.

Truyền thống để lại tài sản tâm linh cho người trong gia tộc của người Tày đã trở thành một tập tục không thay đổi, đó là khi trong gia đình, gia tộc có người làm Then và thực hành các lễ cúng Then mất đi, thì dòng họ đã phải tiến cử, chọn ngay một người để thay thế. Nhiều trường hợp người thay thế không sẵn sàng thì gia đình, gia tộc đã gây sức ép để buộc một thành viên trong gia đình hoặc dòng họ phải trở thành Then⁴. Tình hình này cũng thấy phổ biến trong các gia đình người Việt. Khi trong gia đình có những cá nhân do có những tố chất, thể trạng tâm lý không bình thường: hữu sinh vô dưỡng, hay ốm đau quặt quẹo; làm ăn hay thua lỗ, không may mắn trong chuyện tình duyên... cũng bị người thân trong gia đình tư vấn, thậm chí ép phải gia trình đồng để trở thành các ông Đồng bà Đồng. Nhiều gia đình khi con gái đã lớn tuổi mà chưa yên bề gia thất, các bậc cha mẹ, nhất là các bà mẹ thường tư vấn, thậm chí khuyên con cái chịu lễ cắt tiền duyên nghiệp chướng, hoặc đội bát nhang (đội lệnh) để trở thành các con nhang đệ tử và phải theo một điện thờ nào đó và dự lễ, làm lễ cúng Thánh các ngày sóc vọng, tuần tiết. Nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Mai⁵ cho biết khá nhiều các căn Đồng vùng châu thổ Bắc Bộ ra trình đồng và thực hành nghi lễ lên đồng là do có sự định hướng dẫn dụ, thậm chí gây sức ép từ phía gia đình. Tất nhiên, không ngoại trừ có nhiều cá nhân tham gia sinh hoạt tôn giáo, thậm chí trở thành người chủ xưởng các sinh hoạt tôn giáo (đồng Thầy) còn để tìm cơ hội thay đổi/cứu cánh cho cuộc sống cá nhân và gia đình.

Nhiều tư liệu thực tế tại mấy tỉnh Tây nguyên trong năm 2013 cũng cho biết quá trình chuyển đạo, cải đạo sang theo Tin Lành của nhiều cá nhân người thiểu số ở Tây Nguyên thì vai trò của gia đình cũng có tính chất quyết định.

Trong mỗi gia đình việc định hình văn hóa gia đình và quy định các thang giá trị cơ bản là phụ thuộc rất nhiều vào các bậc phụ huynh và truyền thống gia đình. Khi theo một tôn giáo nhất định thì hệ giá trị

của gia đình cũng sẽ chịu sự chi phối của tôn giáo mà gia đình tham gia và tuân phục, điều này làm nên nét đặc thù của các gia đình có tôn giáo ở Việt Nam, đặc biệt là các gia đình Công giáo. Hầu hết các gia đình Công giáo đều bộc lộ những nét văn hóa nổi trội là sự kính trên nhường dưới, thương yêu con trẻ, giúp đỡ người già được thực hiện một cách tự giác. Hiện tượng ly hôn cũng rất hiếm xảy ra trong các gia đình tín đồ Công giáo. Mâu thuẫn trong gia đình, hoặc làng xóm của người Chăm theo Islam giáo rất ít khi phải đưa tới chính quyền⁶.

Nếu đi lễ nhà thờ của các gia đình Công giáo vào sáng thứ 7, Chủ nhật hàng tuần đã trở thành nét đẹp trong đời sống sinh hoạt của giáo dân, thì tục đi chùa văn cảnh và thắp hương bái Phật của các tín đồ Phật tử cũng đã làm thành một nền nếp thung dung hòa ái. Đi lễ nhà thờ, lên chùa văn cảnh, hay tổ chức lễ Vu lan hàng năm tại nhà để siêu độ chúng sinh và trả ơn cha mẹ đều là những sinh hoạt tôn giáo mang tính mở, nó không chỉ làm phong phú thêm đời sống văn hóa gia đình mà còn tạo điều kiện để văn hóa gia đình giao lưu với bên ngoài. Không ít các lễ thức sinh hoạt TNTG trong các gia đình còn hàm chứa rất nhiều những giá trị đạo đức, giá trị triết học, giá trị văn hóa từ ngàn xưa được lưu truyền tới tận hôm nay.

Trong xã hội Tày - Nùng, việc thờ cúng tổ tiên hay thần bản mệnh của gia đình là một hình thức tôn giáo cơ bản. Nó phản ánh trật tự xã hội trong phạm vi gia đình, sự duy trì các lễ thức cúng thần bản mệnh và ma tổ tiên không chỉ nhằm củng cố mối liên hệ giữa những người cùng máu mủ và đánh thức trong mỗi người lòng biết ơn các thế hệ đi trước mà còn có tác dụng điều chỉnh hành vi và định vị chỗ đứng cho thế hệ hôm nay. Trước kia trong các dòng họ người Tày - Nùng, nhất là những dòng họ quý tộc thường có gia phả, có nơi thờ cúng riêng cho toàn tông tộc hay từng gia đình. Nơi đó có thể là một khu rừng cấm, góc bãi tha ma của làng, có thể cũng là một hốc cây, hòn đá thiêng, ngôi miếu cổ hay nhà thờ họ... hàng năm hoặc 2- 3 năm có tổ chức kỳ giỗ tổ. Lệ cúng tùy thuộc vào quy ước của mỗi gia đình: Họ Luân (Nùng Cháo) thờ ma nhà, cứ ba đời cúng bỏ một lần, khi cúng xong thì tổ chức ăn uống nhưng chỉ ăn ở ngoài sân; Họ Lý thờ ma trẻ con trong họ ở gốc cây thì tổ chức 1 năm một lần. Cách thờ cúng riêng

này liên quan đến “hèm” tức là một thứ nguyên từ xa xưa để lại mà con cháu phải theo⁷. Hèm này cũng liên quan đến tàn tích của vật tổ, đến các kiêng cử và lệ luật của Tam giáo. Một số vùng khác của người Tày còn tục thờ Đăm, tức là thờ ông tổ dòng họ, tục này cũng giống như tục thờ tổ dòng họ của người Thái Trắng (Lai Châu), thờ ông tổ dòng họ của người Việt. Nhiều dòng họ người Việt hiện nay vẫn giữ được ngôi Từ Đường dòng họ. Hằng năm vào ngày húy kỵ tổ họ, các gia đình trong dòng họ vẫn quyên tiền và vật phẩm để cùng tổ chức lễ tế tổ. Phong trào khôi phục nhà thờ họ và dựng Từ Đường dòng họ ở người Việt trong khoảng 10 năm trở lại đây đang trở nên rất sôi động, nhiều ngôi Từ Đường dòng họ giờ đây đã trở nên đa chức năng hơn ngoài việc tổ chức các sinh hoạt tôn giáo liên quan tới tế tổ, còn là nơi để dòng họ tổ chức các sinh hoạt tôn vinh những cá nhân tiêu biểu có thành tích trong học tập và sản xuất. Nếp sinh hoạt này vừa có tác dụng cổ vũ động viên các cá nhân, nhưng cũng đồng thời nhắc nhở mỗi con người vị trí là thành viên của một gia đình, gia tộc mà có trách nhiệm với gia đình, gia tộc mình hơn.

Ở người Nùng khi nghe thấy tiếng sấm báo hiệu những trận mưa xuân sắp bắt đầu, người chủ gia đình thường thức dậy lấy tay vỗ bò thóc để đánh thức hồn lúa trở dậy (người Nùng gọi là thần lúa), sau đó họ dựng một cái cột, trên cột có cắm hoa lúa và Taleo trên bịch, chủ nhà vào bếp đốt lửa, lấy nước suối rửa nồi đặt lên bếp; mọi người trong gia đình ra sông rửa mặt, chân tay khi trở về họ tin là thần linh (thần nước) sẽ đi theo. Về đến nhà các thành viên cùng bắt tay làm lễ cúng trời đất và các thần linh, tổ tiên để cầu mong cho mùa màng đang đến. Khác với lễ cơm mới của người Việt là khi mùa màng gặt đập xong mới lấy gạo mới nấu cơm cúng nhà, thì người Tày - Nùng là lễ “Khẩu mẩu” (cơm mới) từ khi lúa mới bắt đầu chín. Gia chủ ra ruộng cắt ít bông treo lên bàn thờ tổ tiên, ngụ ý mời tổ tiên về chứng giám sau đó lấy lúa mới thổi cơm cúng tổ tiên và thần thánh sau đó mời láng giềng tới ăn mừng. Tục này cũng có nơi tổ chức thành lễ ăn cơm với quy mô cộng đồng (Bana), nhưng hầu hết đều tổ chức trong quy mô gia đình. Tục ăn Rừng và các lễ thức cúng khấn liên quan đến rừng của người Tây Nguyên, tục khảo cây đầu sớm vào ngày tết Đoan

ngộ của người Việt đều là thể hiện những tâm thế tôn trọng Bà Mẹ Tự Nhiên như vậy.

Xét ở góc độ nào đó thì nhiều tôn giáo cho những biểu hiện này là sự thể hiện của những nhận thức thấp kém, hay hủ tục, nhưng trên thực tế tư duy kính - hòa Bà Mẹ Thiên Nhiên đã khiến cho thiên nhiên một thời, thậm chí nhiều thời ở những nơi này được bảo vệ, tránh được tình trạng thiên nhiên bị tàn dụng, bị lợi dụng khai thác đến kiệt quệ, việc kiêng kỵ một số vật tổ của gia đình, dòng họ cũng góp phần bảo vệ những loài quý hiếm khỏi bị tàn sát. Tình trạng rừng bị chặt phá vô tội vạ, nguồn nước mặt bị ô nhiễm; con cái thiếu tôn trọng người trên, vô trách nhiệm với cộng đồng, với tổ tiên ông bà ngày nay không chỉ là kết quả của thay đổi về nhận thức và hệ giá trị mà còn là hệ quả của sự giải thiêng nhiều tín thức/lễ thức những sinh hoạt TNTG trong gia đình.

Tóm lại, việc tổ chức sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng trong gia đình Việt Nam không chỉ có mục đích củng cố niềm tin của con người với thần linh; cầu mong sự che chở của các lực lượng siêu nhiên mà nó còn có vai trò như sợi dây kết nối giữa quá khứ với hiện tại, giữa con người với môi trường, giữa các thành viên trong gia đình với gia tộc; giữa gia đình với cộng đồng làng xã; giữa vùng này với vùng kia và làm thành nét nổi trội trong phương thức ứng xử giữa con người với tự nhiên và xã hội.

Điều chỉnh tư duy hướng thiện, bồi đắp nhân cách con người theo những giá trị Chân - Thiện - Mỹ thì việc hoàn thiện hệ thống giáo dục hiện đại trong nhà trường không phải là tất cả. Việc bồi đắp nhân cách phải bắt đầu từ những tư duy, cách hành xử của các thành viên trong gia đình với nhau và với trẻ ngay từ khi lọt lòng mẹ. Giáo dục con người bằng các khí cụ, các phương tiện, các điều kiện hiện đại mới chỉ làm phát triển phần thể xác và tư duy trí tuệ. Nhưng giáo dục tâm hồn, tâm linh, tư tưởng thiện căn thì TNTG và các sinh hoạt TNTG trong gia đình lại đóng vai trò quan trọng. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Người Việt và nhiều tộc người khác ở Việt Nam cho rằng có 12 vị thần gọi là bà Mụ chuyên trách việc sáng tạo ra con người. Vì thế khi sinh một đứa trẻ đầy tháng các gia đình phải làm lễ cúng Mụ để cảm tạ các thần.
- 2 Cầm Trọng, Ngô Đức Thịnh (sưu tầm và dịch, 2003), *Luật tục Thái ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- 3 Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên, 1996), *Về tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 262.
- 4 Nguyễn Thị Yên (2004), “Thờ Mẫu trong tín ngưỡng của người Tày - Nùng”, trong Ngô Đức Thịnh (chủ biên), *Đạo mẫu & các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 5 Nguyễn Ngọc Mai (2010), *Hiện tượng lên đồng ở Đồng bằng Bắc Bộ trong bối cảnh đổi mới*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học.
- 6 *Báo cáo Tình hình TNTG & Công tác quản lý nhà nước năm 2013* của Ban Tôn giáo tỉnh An Giang.
- 7 Viện Dân tộc học (1992), *Các dân tộc Tày - Nùng ở Việt Nam*, Nxb. Dân tộc, Hà Nội: 232.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Toan Ánh (1992), *Nếp cũ*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
2. Lã Văn Lô (1973), *Bước đầu tìm hiểu các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Ngọc Mai (2013), *Nghi lễ lên đồng lịch sử & giá trị*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
4. Phạm Việt Tuyền (1974), *Cửa vào phong tục Việt Nam*, Sài Gòn.
5. Cầm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Ngô Đức Thịnh (2004), *Đạo mẫu & các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Lê Thị Nhâm Tuyết (1975), *Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Viện Văn hóa - Bộ VH TT - Sở VH TT Hà Giang (1996), *Văn hóa dân tộc Mông Hà Giang*, Hà Giang.
9. Vương Hoàng Tuyên (1963), *Các dân tộc nguồn gốc Nam Á ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
10. *Nhà mồ và tượng nhà mồ Gia Rai*, BohNar, Sở VH TT Gia Lai & Viện Đông Nam Á, 1993.
11. Viện Dân tộc học (1992), *Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, Nxb. Hà Nội.
12. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên, 1996), *Về tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract**THE ROLE OF THE FAMILY IN SPIRITUAL LIFE IN VIETNAM**

A family is a small social unit, but it is an institution closely linked to each individual and has a dominant relationship with each individual. Recognizing the relationship between family and religion is a new approach that needs to be clarified to promote the positive functions of family in shaping the thinking and perception of family members of the family; on the contrary, it clarifies the role of religion in the formation of the Vietnamese lifestyle, personality and morality in order to contribute to the sustainable development of relations among family members and the implementation of family role in society. This article emphasizes the relationship between family & religion on some aspects as follows: 1) The family as a social unit directly practices religious activities; 2) The family with the function of educating, nurturing, protecting and formatting personality of human beings indirectly preserves forms of religious activities; 3) The family as a specific institution involves in the process of adjusting, directing religious thought, and developing religious values of its members.

Key words: Role, family, beliefs, religion, Vietnam.